

**CÔNG TY CỔ PHẦN FRESH FOOD BÌNH AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FRESH FOOD BÌNH AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH AN FRESH FOOD JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BINH AN FRESH FOOD., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110143339

**3. Ngày thành lập:** 07/10/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 8, Ngõ 18 đường Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968723858

Fax:

Email: [freshfoodbinhan@gmail.com](mailto:freshfoodbinhan@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4610        |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4631        |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4632(Chính) |
| 4.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết :Bán buôn đồ uống có cồn -Bán buôn đồ uống không có cồn                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4633        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết : Bán buôn dụng cụ y tế, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;                                                                                                                                                                                                                                                     | 4649        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. | 4659        |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: -Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                       | 4669        |
| 8.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0119        |
| 9.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm<br>Chi tiết :Trồng cây gia vị lâu năm; Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm                                                                                                                                                                                                                          | 0128        |
| 10. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8230        |

|     |                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                 | 8299 |
| 12. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                    | 4690 |
| 13. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết : Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket), Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket), Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                    | 4719 |
| 14. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                    | 4721 |
| 15. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng                                                                                                                             | 4722 |
| 16. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                       | 4723 |
| 17. | Xay xát và sản xuất bột thô<br>Chi tiết :Xay xát; Sản xuất bột thô                                                                                                                                                   | 1061 |
| 18. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                        | 1062 |
| 19. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                        | 1071 |
| 20. | Sản xuất đường                                                                                                                                                                                                       | 1072 |
| 21. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                                  | 1073 |
| 22. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                         | 1074 |
| 23. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                | 1075 |
| 24. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:Sản xuất thực phẩm chức năng                                                                                                                              | 1079 |
| 25. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                               | 2023 |
| 26. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: -Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ -Bán lẻ thực phẩm lưu động hoặc tại chợ -Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ | 4781 |
| 27. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                           | 4789 |
| 28. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)                                                                                                                                                | 4791 |
| 29. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                         | 4799 |
| 30. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                             | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                 | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                      | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | HOÀNG THỊ<br>KIM NGÂN       | Phòng 2211 Tòa<br>V1 chung cư The<br>Terra An Hưng,<br>Phường La Khê,<br>Quận Hà Đông,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 60.000        | 600.000.000              | 60,000       | 0241790001<br>64                                                                                                       |            |
|     |                             |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                                                         | Tổng số                            | 60.000        | 600.000.000              | 60,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                                                         |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | HOÀNG<br>TRẦN TRỌNG<br>ĐIỆP | Phòng 1603, Toà<br>nhà FLC 36 Phạm<br>Hùng, Phường<br>Mỹ Đình 2, Quận<br>Nam Từ Liêm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000        | 200.000.000              | 20,000       | B9608770                                                                                                               |            |
|     |                             |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                                                         | Tổng số                            | 20.000        | 200.000.000              | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                                                         |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                          |                           |        |             |        |                  |
|---|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ LOAN | Số 2/38 Lê Hồng Phong, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 | 0301800159<br>22 |
|   |                 |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                          | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG THỊ KIM NGÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 04/02/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024179000164

Ngày cấp: 13/08/2019

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Kỳ Thủy, Xã Bích Hòa, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Phòng 2211 Tòa VI chung cư The Terra An Hưng, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội